

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH
CÔNG ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2010



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH CÔNG ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
Số 4A Láng Hạ, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 21

301125
CÔNG
H NHIỆM
ELOY
T NA
0.1 - T

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH CÔNG ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
Số 4A Láng Hạ, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đàm Minh Đức	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 1/3/2011)
Ông Vũ Xuân Tiên	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 23/8/2010, thôi giữ chức vụ từ ngày 28/2/2011)
Ông Nguyễn Ngọc Minh	Chủ tịch (Thôi giữ chức vụ từ ngày 13/7/2010)
Ông Chu Xuân Lai	Ủy viên (Thôi giữ chức vụ từ ngày 28/1/2011)
Ông Hà Duy Dĩnh	Ủy viên
Ông Tạ Bá Long	Ủy viên
Ông Kiều Hưng	Ủy viên (Thôi giữ chức vụ ngày 25/8/2010)
Ông Vũ Quang Hải	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 16/8/2010)

Ban Giám đốc

Ông Vũ Quang Hải	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 25/1/2011)
Ông Chu Xuân Lai	Tổng Giám đốc (Thôi giữ chức vụ từ ngày 25/1/2011)
Ông Nguyễn Minh Tuệ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Xuân Tân	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 26/8/2010)
Ông Kiều Hưng	Phó Tổng Giám đốc (Thôi giữ chức vụ từ ngày 25/8/2010)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,


Vũ Quang Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 6 tháng 4 năm 2011

Số: 537 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 4 đến trang 21. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Ngoại trừ các vấn đề trình bày dưới đây, chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Hạn chế phạm vi kiểm toán

Như trình bày tại Thuyết minh số 6 (ii) phần Thuyết minh Báo cáo Tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 Công ty ghi nhận khoản hợp tác đầu tư chứng khoán niêm yết với Công ty Cổ phần Chứng khoán phổ Wall với số tiền gốc và lãi trong hạn phải thu lần lượt là 74.592.683.753 đồng và 12.197.520.000 đồng. Khoản hợp tác đầu tư này đã quá hạn từ tháng 3 năm 2010. Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá đầu tư toàn bộ giá trị khoản lãi phải thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2010. Tuy nhiên, Công ty chưa thực hiện đánh giá và trích lập dự phòng đối với số dư nợ gốc đã quá hạn đối với khoản hợp tác đầu tư này. Do chúng tôi không thu thập được các bằng chứng tin cậy để xác định giá trị dự phòng cần được ghi nhận đối với khoản hợp tác đầu tư nêu trên, chúng tôi không đưa ra ý kiến về giá trị dự phòng cần trích lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như những ảnh hưởng đến các khoản mục khác trên báo cáo tài chính của Công ty.

Như trình bày tại Thuyết minh số 6 (iii) phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, số dư Công ty ủy thác quản lý vốn cho Công ty Cổ phần Chứng khoán SME và Công ty Tài chính cổ phần Hóa chất Việt Nam với số tiền lần lượt là 105.946.727.158 đồng và 50.000.000.000 đồng với thời gian hết hạn cuối cùng của các hợp đồng này là 17 tháng 2 năm 2011. Tại ngày báo cáo này, Công ty vẫn chưa thu hồi được toàn bộ số tiền ủy thác trên và không trích lập dự phòng đối với các khoản ủy thác này. Do chúng tôi không thu thập được các bằng chứng tin cậy để xác định giá trị dự phòng cần được ghi nhận (nếu có) áp dụng đối với các khoản đầu tư nêu trên, chúng tôi không đưa ra ý kiến về giá trị dự phòng cần trích lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như những ảnh hưởng có thể có đến các khoản mục khác trên báo cáo tài chính của Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (Tiếp theo)

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng do các vấn đề nêu trên, các báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan tại Việt Nam.



Trương Anh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số Đ.0029/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 6 tháng 4 năm 2011
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Duy Cường
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0797/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

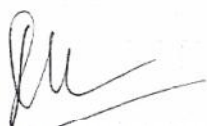
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010		31/12/2009	
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.926.104.063.435		1.387.535.109.268	
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	38.241.475.572		69.403.025.601	
1. Tiền	111		38.241.475.572		11.403.025.601	
2. Các khoản tương đương tiền	112		-		58.000.000.000	
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	1.418.958.432.172		1.254.911.313.588	
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.432.981.669.644		1.310.492.212.603	
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(14.023.237.472)		(55.580.899.015)	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		433.084.886.946		59.506.734.432	
1. Phải thu của khách hàng	131	7	94.063.043.156		47.138.844.637	
2. Trả trước cho người bán	132	8	105.209.416.921		1.503.914.901	
3. Các khoản phải thu khác	135	9	233.812.426.869		10.863.974.894	
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-		-	
IV. Hàng tồn kho	140	10	24.796.109.370		15.348.182	
1. Hàng tồn kho	141		24.796.109.370		15.348.182	
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.023.159.375		3.698.687.465	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.627.489.525		1.422.777.663	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.348.955.934		686.309.160	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà	154		5.624.255.804		10.916.362	
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		422.458.112		1.578.684.280	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		302.745.126.151		328.709.122.131	
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.766.096.790		577.164.544	
1. Phải thu dài hạn khác	218		1.766.096.790		577.164.544	
II. Tài sản cố định	220		49.465.019.382		25.815.697.874	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	37.014.800.407		4.240.549.988	
- Nguyên giá	222		40.473.552.193		5.887.551.340	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.458.751.786)		(1.647.001.352)	
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	12.005.303.981		12.019.376.848	
- Nguyên giá	228		12.652.975.511		12.281.404.111	
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(647.671.530)		(262.027.263)	
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		444.914.994		9.555.771.038	
III. Bất động sản đầu tư	240	13	2.165.962.500		2.250.000.000	
- Nguyên giá	241		2.250.000.000		2.250.000.000	
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(84.037.500)		-	
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		244.724.662.667		299.597.250.704	
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-		18.800.000.000	
2. Đầu tư dài hạn khác	258	14	264.088.662.667		282.957.250.704	
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	14	(19.364.000.000)		(2.160.000.000)	
V. Tài sản dài hạn khác	260		4.623.384.812		469.009.009	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		4.623.384.812		445.505.950	
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-		23.503.059	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.228.849.189.586		1.716.244.231.399	


Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	
			31/12/2010	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.967.928.219.058	1.397.811.788.775
I. Nợ ngắn hạn	310		1.967.859.208.074	997.730.345.816
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	400.000.000.000	-
2. Phải trả người bán	312	16	172.828.303.529	100.468.628.921
3. Người mua trả tiền trước	313		-	175.610
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		613.265.405	185.317.525
5. Phải trả người lao động	315		2.519.207.202	4.048.459.583
6. Chi phí phải trả	316		58.566.770	117.504.613
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn	319	17	1.391.230.571.012	891.727.230.408
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		609.294.156	1.183.029.156
II. Nợ dài hạn	330		69.010.984	400.081.442.959
1. Vay và nợ dài hạn	334		-	400.000.000.000
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		69.010.984	81.442.959
B. NGUỒN VỐN	400		260.920.970.528	318.432.442.624
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	260.920.970.528	318.432.442.624
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		300.000.000.000	300.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.051.994.155	2.051.994.155
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.025.997.077	1.025.997.077
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(42.157.020.704)	15.354.451.392
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.228.849.189.586	1.716.244.231.399


Đoàn Thanh Nhân
Người lập


Nguyễn Ngọc Kiều Dung
Kế toán trưởng



Vũ Quang Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 6 tháng 4 năm 2011

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	21.234.091.534	10.898.421.646
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		21.234.091.534	10.898.421.646
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		8.042.365.802	-
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		13.191.725.732	10.898.421.646
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	206.325.415.373	237.208.722.531
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	21	224.350.656.488	207.980.762.933
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		129.336.594.344	113.018.940.730
8. Chi phí bán hàng	24		186.868.500	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	22	37.546.248.576	23.847.413.401
10. Lợi nhuận/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(42.566.632.459)	16.278.967.843
11. Thu nhập khác	31		119.482.732	263.113.156
12. Chi phí khác	32		40.819.310	2.114.798
13. Lợi nhuận khác	40		78.663.422	260.998.358
14. Tổng lợi nhuận/(Lỗ) kế toán trước thuế	50		(42.487.969.037)	16.539.966.201
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	981.338.347
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		23.503.059	2.936.547
17. Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(42.511.472.096)	15.555.691.307
18. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	23	(1.417,05)	518,52

Đoàn Thanh Nhân
Người lập

Nguyễn Ngọc Kiều Dung
Kê toán trưởng



Vũ Quang Hải
Tổng Giám đốc

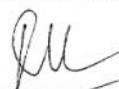
Ngày 6 tháng 4 năm 2011


Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2010	2009
DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	(42.487.969.037)	16.539.966.201
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.379.259.026	1.046.320.578
Các khoản dự phòng	03	(24.366.093.518)	29.025.898.800
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(184.611.252.465)	(194.242.099.550)
Chi phí lãi vay	06	129.336.594.344	113.018.940.730
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	(119.749.461.650)	(34.610.973.241)
(Tăng) các khoản phải thu	09	(290.115.841.675)	(9.408.842.307)
(Tăng) hàng tồn kho	10	(24.780.761.188)	(15.348.182)
Tăng các khoản phải trả	11	298.691.759.189	90.991.578.992
(Tăng) chi phí trả trước	12	(4.382.590.724)	(1.378.912.917)
Tiền lãi vay đã trả	13	142.100.508.725	113.018.940.730
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	(218.080.000)
<i>Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	1.763.612.677	158.378.363.075
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(25.977.079.385)	(23.327.161.926)
2. Tiền thu từ thanh lý nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	116.759.078	-
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(5.089.109.961.924)	(5.017.261.159.404)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	4.966.620.504.883	4.520.186.007.737
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(108.110.100.000)	(51.440.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	59.374.854.704	189.256.674.696
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	179.159.859.938	172.604.945.067
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(17.925.162.706)	(209.980.693.830)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền nhận vốn góp của cổ đông	31	-	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	187.852.532.718
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(187.852.532.718)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(15.000.000.000)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(15.000.000.000)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	50	(31.161.550.029)	(51.602.330.755)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	69.403.025.601	121.005.356.356
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	38.241.475.572	69.403.025.601


Đoàn Thanh Nhân
Người lập


Nguyễn Ngọc Kiều Dung
Kế toán trưởng


Vũ Quang Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 6 tháng 4 năm 2011

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH CÔNG ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số 4A Láng Hạ, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam là doanh nghiệp cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép kinh doanh số 0103017707 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 06 năm 2007 và sửa đổi lần 5 ngày 27 tháng 10 năm 2009.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 145 người (31 tháng 12 năm 2009: 75).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm: Đầu tư thực hiện việc sáp nhập doanh nghiệp; Khai thác khoáng sản và kinh doanh các mặt hàng khoáng sản (trừ các loại khoáng sản nhà nước cấm); Tư vấn đầu tư trong và ngoài nước (không bao gồm dịch vụ tư vấn pháp luật, tài chính); Tư vấn về cổ phần hóa (không bao gồm dịch vụ về tư vấn pháp luật); Tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp (không bao gồm dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán, kiểm toán, thuế và tài chính); Tư vấn cung cấp, giải pháp thương mại điện tử và thông tin thị trường (trừ thông tin nhà nước cấm và dịch vụ điều tra); Tư vấn và cung cấp dịch vụ quản trị doanh nghiệp; Tư vấn chiến lược truyền thông; Môi giới, xúc tiến thương mại; Dịch vụ nghiên cứu, phân tích thị trường; Dịch vụ quản lý dự án (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình); Dịch vụ quan hệ công chúng; Quảng cáo thương mại và quảng cáo phi thương mại; Đầu tư trực tiếp, nhận ủy thác đầu tư trong và ngoài nước; Tư vấn mua bán, sáp nhập doanh nghiệp; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống, giải khát (không bao gồm kinh doanh quán Bar, phòng hát Karaoke, vũ trường); Đại lý bảo hiểm; Tư vấn, đấu giá bất động sản; Kinh doanh vật liệu xây dựng; Môi giới bất động sản; và định giá bất động sản.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, công nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn và đã phát sinh lỗ lũy kế. Do vậy, khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào lợi nhuận hoạt động của Công ty trong thời gian tới và việc tiếp tục hỗ trợ từ phía các cổ đông của Công ty. Cổ động lớn của Công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã có phương án chấp thuận gia hạn khoản ủy thác đầu tư và có các phương án hỗ trợ nguồn vốn kinh doanh cho Công ty. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm bất kỳ sự điều chỉnh nào có thể phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính, Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31/12/2011. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH CÔNG ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số 4A Láng Hạ, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 do Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp". Theo đó, Công ty trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi cổ giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Đối với các chứng khoán đã niêm yết, giá thị trường được xác định theo giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính trên Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE) và Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). Đối với chứng khoán chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống UPCom tại ngày lập dự phòng. Đối với chứng khoán chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom), thì giá thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng, bao gồm Công ty Cổ phần Chứng khoán SME, Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tin và Công ty Cổ phần Chứng khoán Mê Kông. Đối với các khoản góp vốn đầu tư dài hạn, Công ty thực hiện đánh giá và trích lập dự phòng theo đúng quy định hiện hành.

Các khoản đầu tư mà Công ty không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, được trình bày theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá của các chứng khoán tự doanh được ghi nhận vào chi phí của Công ty trong các giao dịch chứng khoán. Giá của các chứng khoán tự doanh được xác định theo phương pháp bình quân.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

	Năm 2010
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Thiết bị văn phòng	2 - 3
Phương tiện vận tải	6

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm kế toán và giá trị trang web. Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất được phân bổ giá trị hao mòn theo thời gian được cấp phép sử dụng, các tài sản cố định khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Doanh thu hoạt động tự doanh chứng khoán được ghi nhận dựa trên Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm giao dịch chứng khoán.

Doanh thu từ hoạt động nhận ủy thác đầu tư là phí ủy thác đầu tư được hưởng và được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Doanh thu từ hoạt động mua bán chứng khoán có kỳ hạn được xác định là chênh lệch giữa giá bán lại và giá mua ban đầu.

Doanh thu từ hoạt động đầu tư là lãi thu được từ cổ phiếu và trái phiếu. Lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do công ty nắm giữ. Lãi đầu tư trái phiếu được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH CÔNG ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số 4A Láng Hạ, quận Ba Đình

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Tiền mặt	186.535.716	762.747.023
Tiền gửi ngân hàng	38.054.939.856	10.640.278.578
Tương đương tiền	-	58.000.000.000
	38.241.475.572	69.403.025.601

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Chứng khoán tự doanh	257.600.433.574	263.728.653.962
Cổ phiếu chưa niêm yết - OTC (i)	236.116.013.600	14.097.600.000
Cổ phiếu đã niêm yết	21.484.419.974	249.631.053.962
Tiền gửi có kỳ hạn	91.500.000.000	27.000.000.000
Đầu tư khác	1.083.881.236.070	1.019.763.558.641
Hợp tác đầu tư chứng khoán thu lãi cố định (ii)	460.927.194.553	586.108.090.000
Ủy thác quản lý vốn hướng lãi suất cố định, Công ty không chia sẻ rủi ro (iii)	173.636.055.182	197.566.036.000
Cổ phiếu nhận ủy thác đầu tư của PVFC (iv)	427.033.986.335	223.380.257.735
Cổ phiếu nhận ủy thác đầu tư khác (v)	11.700.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn khác	10.584.000.000	12.709.174.906
	1.432.981.669.644	1.310.492.212.603
Trừ: Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(14.023.237.472)	(55.580.899.015)
Dự phòng giảm giá chứng khoán đã niêm yết	(1.825.717.472)	(55.580.899.015)
Dự phòng đầu tư ngắn hạn khác	(12.197.520.000)	-
Đầu tư ngắn hạn ròng	1.418.958.432.172	1.254.911.313.588

(i) Cổ phiếu chưa niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 phản ánh giá trị khoản đầu tư vào một số cổ phiếu với giá mua cao hơn mệnh giá. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, trên cơ sở bảng giá chứng khoán chưa niêm yết được cung cấp bởi ba (03) công ty chứng khoán, bao gồm Công ty Cổ phần Chứng khoán SME, Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín và Công ty Cổ phần Chứng khoán Mê Kông, Công ty đã xác định:

- Tổng giá trị đầu tư không có các thông tin về các giao dịch cổ phiếu này trên thị trường không chính thức là 108.335.000.000 đồng;
- Tổng giá trị đầu tư có thông tin giao dịch trên thị trường không chính thức là 127.781.013.600 đồng.

Trên cơ sở các thông tin thu thập từ các báo giá nêu trên, Công ty xác định không có khoản đầu tư nào bị giảm giá. Theo đó, các khoản đầu tư này được phản ánh theo giá gốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH CÔNG ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAMSố 4A Láng Hạ, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

- (ii) Số dư khoản mục “Hợp tác đầu tư chứng khoán thu lãi cố định” phản ánh giá trị các hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán niêm yết mà Công ty hợp tác với đối tác là các cá nhân thông qua các công ty chứng khoán để cùng thực hiện đầu tư một số mã chứng khoán trên Sở Giao dịch chứng khoán (HOSE) và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). Theo thỏa thuận tại các hợp đồng, Công ty được hưởng lợi nhuận với mức lãi suất cố định được duy trì trong suốt thời hạn hợp tác đầu tư và Công ty có quyền yêu cầu đối tác mua lại số chứng khoán mà Công ty đã hợp tác đầu tư, Công ty là bên duy nhất có quyền được giải tỏa chứng khoán và có quyền bán chứng khoán hợp tác đầu tư để thu hồi vốn khi giá chứng khoán hợp tác đầu tư trên sàn niêm yết giảm 30% so với giá niêm yết tại các thời điểm ký kết hợp đồng.

Tại ngày 31/12/2010 Công ty ghi nhận khoản hợp tác đầu tư chứng khoán niêm yết với Công ty Chứng khoán phổ Wall số tiền gốc và lãi trong hạn phải thu lần lượt là 74.592.683.753 đồng và 12.197.520.000 đồng. Khoản hợp tác đầu tư này đã quá hạn từ tháng 3/2010 và Công ty đã trích lập dự phòng tương ứng 100% giá trị khoản lãi phải thu. Tuy nhiên, Công ty chưa đánh giá khả năng thu hồi và trích lập dự phòng số tiền gốc hợp tác đầu tư nêu trên. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Công ty có khả năng thu hồi được số dư gốc của các hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán niêm yết này.

- (iii) “Ủy thác quản lý vốn”, phản ánh số dư các hợp đồng ủy thác đầu tư mà Công ty thực hiện ủy thác cho các đối tác với thời hạn ủy thác dưới 12 tháng (đáo hạn trong năm 2011) và Công ty được hưởng lãi suất cố định, Công ty không chia sẻ rủi ro.

Tại ngày 31/12/2010, số dư Công ty ủy thác quản lý vốn cho Công ty Cổ phần Chứng khoán SME và Công ty Tài chính cổ phần Hóa chất Việt Nam với số tiền lần lượt là 105.946.727.158 đồng và 50.000.000.000 đồng với thời gian hết hạn cuối cùng của các hợp đồng này là 17 tháng 2 năm 2011. Tại ngày báo cáo này, Công ty vẫn chưa thu hồi được toàn bộ số tiền ủy thác trên và không trích lập dự phòng đối với các khoản này. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có khả năng thu hồi được khoản ủy thác quản lý vốn này trong ngắn hạn.

- (iv) “Cổ phiếu của người ủy thác đầu tư”, phản ánh số dư giá trị đầu tư Công ty thực hiện đầu tư thay cho nhà ủy thác. Theo hợp đồng ủy thác đầu tư, Công ty được hưởng phí ủy thác đầu tư, có chia sẻ một phần lợi nhuận (phụ thuộc vào kết quả đầu tư) nhưng không chia sẻ rủi ro với nhà đầu tư.

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Phải thu của hoạt động dịch vụ (i)	56.252.146.836	338.380.634
Phải thu từ hoạt động đầu tư (ii)	37.690.196.818	46.800.464.003
- Đầu tư chứng khoán	37.690.196.818	36.040.473.000
- Đầu tư bất động sản	-	10.759.991.003
Phải thu dịch vụ khách sạn	120.699.502	-
	94.063.043.156	47.138.844.637

- (i) Năm 2009, khoản đầu tư vào công ty liên kết từ việc góp 30% vốn vào Công ty Cổ phần Điện tử Giảng Võ để thực hiện khi Công trình “Toà nhà hỗn hợp cao tầng” tại 168 Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội được phản ánh tại khoản mục “đầu tư vào công ty liên kết” trên bảng cân đối kế toán. Trong năm 2010, Công ty đã ký hợp đồng ủy thác đầu tư 25% vốn vào Công trình trên với Công ty Cổ phần Đầu tư Dragon Land và ghi giảm khoản đầu tư vào công ty liên kết đồng thời ghi tăng đầu tư từ nguồn vốn ủy thác đầu tư vào Dự án 168 Ngọc Khánh (được trình bày tại Thuyết minh số 14). Số dư “Phải thu từ hoạt động dịch vụ” tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 phản ánh khoản phí phải thu Công ty cổ phần Đầu tư Dragon Land từ việc nhận ủy thác đầu tư trên và khoản ủy thác quản lý vốn của Công ty cổ phần Điện tử Giảng Võ mà Dragon Land nhận chuyển nhượng lại. Công ty đã thu được số tiền trên vào ngày 25/01/2011.
- (ii) Phải thu hoạt động đầu tư chủ yếu là số dư các khoản phải thu cổ tức và các giao dịch bán chứng khoán gần ngày khóa sổ (T+3).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH CÔNG ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số 4A Láng Hạ, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. ỨNG TRƯỚC CHO NHÀ CUNG CẤP

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Trả trước Công ty CP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam (i)	72.540.000.000	-
Trả trước Công ty CP Tân Hoàng Thăng (ii)	28.725.000.000	-
Trả trước Công ty TNHH Đầu tư Thương Mại và Sản xuất Đại Việt	2.887.995.000	-
Trả trước các khách hàng khác	1.056.421.921	1.503.914.901
	105.209.416.921	1.503.914.901

- (i) Số tiền Công ty đã trả trước cho Công ty CP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam để triển khai dự án Chung cư cao tầng và dịch vụ thương mại CT10-11 Khu đô thị Văn Phú. Theo thỏa thuận, các bên sẽ được chia sản phẩm tương ứng với tỷ lệ góp vốn vào dự án.
- (ii) Khoản trả trước cho Công ty CP Tân Hoàng Thăng để mua lại các căn hộ tại khu Ruby Garden - Thành phố Hồ Chí Minh. Theo kế hoạch, các căn hộ sẽ được bàn giao trong tháng 3 năm 2011. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng, tại ngày 31/12/2010, khoản ứng trước này không bị suy giảm giá trị.

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Phải thu Ngân hàng TMCP Đại Tín - Chi nhánh Sài Gòn (i)	100.000.000.000	-
Phải thu chuyển nhượng vốn (ii)	83.200.000.000	-
Phải thu PVFC tiền lỗ bán chứng khoán ủy thác (iii)	18.277.688.885	-
Phải thu PVFC phí ủy thác đầu tư	7.744.240.883	-
Phải thu lãi hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán	17.311.851.296	2.178.828.622
Lãi dự thu hợp đồng tiền gửi và ủy thác quản lý vốn	5.083.241.222	5.391.060.154
Khác	2.195.404.583	3.294.086.118
	233.812.426.869	10.863.974.894

- (i) Số tiền Công ty đã nhận ủy thác từ Công ty Tài chính cổ phần Hóa chất Việt Nam (được trình bày tại Thuyết minh số 17), sau đó gửi vào Ngân hàng TMCP Đại Tín - Chi nhánh Sài Gòn để hưởng chênh lệch lãi suất.
- (ii) Tại ngày 5 tháng 8 năm 2010 Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng cổ phần với Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC); theo đó PVFC đồng ý chuyển nhượng cho Công ty 20% vốn góp vào Công ty Cổ phần Du lịch biển Mỹ Khê và Công ty được trả chậm 80% giá trị hợp đồng trong vòng 2 năm. Tại ngày 31/12/2010, số cổ phần trên chưa được chuyển nhượng quyền sở hữu cho Công ty.
- (iii) Phải thu nhà ủy thác đầu tư khi thực hiện thanh lý các khoản đầu tư mà Công ty nhận ủy thác quản lý, không chia sẻ rủi ro.

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	136.915.624	-
Công cụ, dụng cụ	302.730.337	15.348.182
Hàng hóa	24.356.463.409	-
- Hàng hóa bất động sản (i)	24.273.710.291	-
- Hàng hóa - Chi nhánh Sapa	82.753.118	-
	24.796.109.370	15.348.182

- (i) Hàng hóa bất động sản bao gồm các căn hộ của khu Rubyland - TP. Hồ Chí Minh mua của Công ty TNHH Thương mại - Xây dựng - Kinh doanh nhà Tân Hồng Uy và giá trị lô đất tại Mỹ Trì, Hà Nội. Theo đánh giá của Ban Giám đốc, giá trị của bất động sản không thấp hơn giá trị có thể chuyển nhượng được tại ngày 31 tháng 12 năm 2010.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH CÔNG ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số 4A Láng Hạ, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2010	2.330.680.000	1.929.404.839	1.627.466.501	5.887.551.340
Tăng do mua sắm mới	-	995.748.364	1.336.044.144	2.331.792.508
Tăng do xây dựng cơ bản hoàn thành (*)	32.384.571.521	-	-	32.384.571.521
Giảm do thanh lý nhượng bán	-	(50.000.000)	(80.363.176)	(130.363.176)
Tại ngày 31/12/2010	<u>34.715.251.521</u>	<u>2.875.153.203</u>	<u>2.883.147.469</u>	<u>40.473.552.193</u>
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2010	-	669.624.903	977.376.449	1.647.001.352
Khấu hao trong năm	938.474.984	424.999.347	546.102.928	1.909.577.259
Giảm do thanh lý nhượng bán	-	(50.000.000)	(47.826.825)	(97.826.825)
Tại ngày 31/12/2010	<u>938.474.984</u>	<u>1.044.624.250</u>	<u>1.475.652.552</u>	<u>3.458.751.786</u>
Giá trị còn lại				
Tại ngày 31/12/2010	<u>33.776.776.537</u>	<u>1.830.528.953</u>	<u>1.407.494.917</u>	<u>37.014.800.407</u>
Tại ngày 31/12/2009	<u>2.330.680.000</u>	<u>1.259.779.936</u>	<u>650.090.052</u>	<u>4.240.549.988</u>

(*) Công ty đang ghi nhận tạm tăng giá trị tài sản nhà cửa, vật kiến trúc tại Khách sạn Sao Phương Bắc do đã đưa khách sạn vào sử dụng từ tháng 7 năm 2010. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty chưa hoàn thành thủ tục quyết toán công trình trên. Tuy nhiên, để đảm bảo chi phí được phản ánh đầy đủ, Công ty đã thực hiện tạm phân bổ giá trị công trình theo thời gian sử dụng hữu ích.

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2010	11.431.856.461	809.547.650	40.000.000	12.281.404.111
Tăng do mua sắm mới	-	371.571.400	-	371.571.400
Tại ngày 31/12/2010	<u>11.431.856.461</u>	<u>1.181.119.050</u>	<u>40.000.000</u>	<u>12.652.975.511</u>
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2010	-	227.610.575	34.416.688	262.027.263
Khấu hao trong năm	-	380.060.955	5.583.312	385.644.267
Tại ngày 31/12/2010	-	<u>607.671.530</u>	<u>40.000.000</u>	<u>647.671.530</u>
Giá trị còn lại				
Tại ngày 31/12/2010	<u>11.431.856.461</u>	<u>573.447.520</u>	<u>-</u>	<u>12.005.303.981</u>
Tại ngày 31/12/2009	<u>11.431.856.461</u>	<u>581.937.075</u>	<u>5.583.312</u>	<u>12.019.376.848</u>

(*) Quyền sử dụng đất phản ánh giá trị chi phí Công ty phải bỏ ra để có được quyền sử dụng lô đất tại Sa Pa, Lào Cai. Lô đất sẽ được sử dụng để xây dựng Khách sạn Sao Phương Bắc. Công ty được Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho lô đất nêu trên từ ngày 27/07/2009.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH CÔNG ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số 4A Láng Hạ, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2010	2.250.000.000	2.250.000.000
Tăng trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2010	2.250.000.000	2.250.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2010	-	-
Tăng trong năm	84.037.500	84.037.500
Tại ngày 31/12/2010	84.037.500	84.037.500
Giá trị còn lại		
Tại ngày 31/12/2010	2.165.962.500	2.165.962.500
Tại ngày 31/12/2009	2.250.000.000	2.250.000.000

Bất động sản đầu tư phản ánh giá trị ngôi nhà Công ty đã mua tại Đà Nẵng đầu tư với mục đích cho thuê.

14. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Cổ phiếu chưa niêm yết	142.605.362.000	195.219.724.704
Trái phiếu	280.000.000	280.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (trên 1 năm)	4.326.634.000	5.257.526.000
Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn khác	54.533.000.000	45.000.000.000
Đầu tư từ nguồn vốn ủy thác đầu tư vào dự án 168 Ngọc Khánh	52.866.666.667	37.200.000.000
Ủy thác đầu tư dài hạn	9.477.000.000	-
	<u>264.088.662.667</u>	<u>282.957.250.704</u>
Trừ: Dự phòng giảm giá chứng khoán đã niêm yết	(19.364.000.000)	(2.160.000.000)
Đầu tư dài hạn ròng	<u>244.724.662.667</u>	<u>280.797.250.704</u>

Đối với các cổ phiếu chưa niêm yết có giao dịch trên thị trường không chính thức, Công ty đã thu thập ba báo giá của các Công ty chứng khoán để làm cơ sở đánh giá, trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tại ngày 31/12/2010. Công ty không trích lập dự phòng giảm giá và phản ánh khoản đầu tư theo giá gốc đối với các cổ phiếu chưa niêm yết không có giao dịch trên thị trường với giá trị là 141.985.362.000 VND (được đầu tư theo mệnh giá), ngoại trừ trường hợp cổ phiếu Công ty Cổ phần vận tải xăng dầu Phương Nam với giá trị là 14.400.000.000 VND. Mặc dù cổ phiếu này không có giá giao dịch trên thị trường, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư theo mức 100% trên giá gốc đầu tư ban đầu trên cơ sở đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty này. Ban Giám đốc cũng đánh giá rằng giá trị suy giảm tiềm tàng của các cổ phiếu chưa niêm yết, không có giao dịch trên thị trường là không trọng yếu tại ngày 31/12/2010.

Đối với các khoản đầu tư dài hạn khác, Công ty đã thu thập các bằng chứng tin cậy về giá trị tài sản ròng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty tại thời điểm 31/12/2010. Ban Giám đốc đánh giá giá trị các khoản đầu tư dài hạn khác không suy giảm tại ngày 31 tháng 12 năm 2010.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

Vay và nợ ngắn hạn tại ngày 31/12/2010 phản ánh số dư theo Hợp đồng Ủy thác quản lý vốn số 8007/2007 ngày 28/12/2007 giữa Công ty và bên ủy thác là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, PVFI được nhận ủy thác nhận số tiền là 400.000.000.000 đồng dưới hình thức ủy thác không chỉ định, không chia sẻ rủi ro và hưởng lãi suất cố định. Thời hạn hiệu lực của Hợp đồng 3 năm tính từ ngày PVFI nhận được tiền ủy thác (ngày 10/01/2008).

Lãi suất ủy thác = Lãi suất Tài khoản trung tâm do Vietcombank trả cho Tập đoàn + 2%/năm.

Theo thông báo của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, lãi suất ủy thác quản lý vốn cho năm 2009 được điều chỉnh cho cả năm là 6,8%. Phần lãi suất của các khoản trả trước hạn theo yêu cầu của Tập đoàn áp dụng mức lãi suất không kỳ hạn tại thời điểm Hợp đồng có hiệu lực.

Theo Quyết định số 08/PVFI-KHĐT ngày 07/01/2010, PVFI phải thanh toán gốc cho Tập đoàn theo lộ trình: Trước ngày 31/01/2011: thanh toán 100 tỷ đồng, trước ngày 31/03/2011 thanh toán 100 tỷ đồng và trước ngày 30/06/2011 thanh toán 200 tỷ đồng còn lại.

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (i)	97.539.000.000	97.539.000.000
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 18	4.560.769.401	1.312.027.291
Tổng Công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam (ii)	66.560.000.000	-
Công ty TNHH TM XD KD nhà Tân Hồng Uy	2.956.989.451	-
Công ty Cổ phần Harec Đầu tư và Thương mại	-	1.496.942.027
Khác	1.211.544.677	120.659.603
	172.828.303.529	100.468.628.921

(i) Khoản công nợ phát sinh do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chuyển nhượng lại cho Công ty 9.753.900 cổ phần do Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn cầu (GP Bank) phát hành theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 1592/HĐ-DKVN ngày 12/3/2009. Theo hợp đồng, Công ty được phép trả chậm trong vòng 3 năm kể từ ngày 8/9/2008. Lãi suất trả chậm được xác định bằng 80% tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ của GP Bank và không thấp hơn 3%/năm trên thời gian thực tế trả chậm.

(ii) Giá trị trả chậm tương ứng với 80% giá trị hợp đồng chuyển nhượng cổ phần của Công ty cổ phần Du lịch biển Mỹ Khê (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 9).

17. PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Phải trả Công ty Tài chính cổ phần Hóa chất Việt Nam	100.000.000.000	-
Nhận ủy thác quản lý vốn (i)	628.500.000.000	566.569.157.000
Nhận ủy thác đầu tư (i)	602.927.666.667	274.200.000.000
Các khoản lãi phải trả	35.939.383.918	40.545.596.134
Phải trả Công ty cổ phần Chứng khoán BIDV (ii)	10.000.000.000	-
Cổ tức PVFI năm 2009 phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	5.250.000.000	-
Phải trả khác	8.613.520.427	10.412.477.274
	1.391.230.571.012	891.727.230.408

(i) Khoản ủy thác quản lý vốn và ủy thác đầu tư tại ngày 31/12/2010 chủ yếu bao gồm các hợp đồng Công ty nhận ủy thác đầu tư từ các công ty con, công ty liên kết của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và khách hàng không chia sẻ rủi ro từ các hoạt động của Công ty.

(ii) Phải trả Công ty cổ phần chứng khoán Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam tiền mua 2 triệu cổ phiếu PV Shipyard do không thực hiện được thủ tục chuyển nhượng tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và Công ty đã mua lại khoản này vào ngày 16 tháng 3 năm 2011.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH CÔNG ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số 4A Láng Hạ, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của cổ đông VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Tổng cộng VND
Tại 01/01/2009	300.000.000.000	3.687.682.911	496.425.024	248.212.512	304.432.320.447
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	15.555.691.307	-	-	15.555.691.307
Phân phối tới các quỹ	-	(3.888.922.826)	1.555.569.131	777.784.565	(1.555.569.130)
Tại 31/12/2009	300.000.000.000	15.354.451.392	2.051.994.155	1.025.997.077	318.432.442.624
Lợi nhuận trong năm	-	(42.511.472.096)	-	-	(42.511.472.096)
Trả cổ tức năm 2009 cho cổ đông	-	(15.000.000.000)	-	-	(15.000.000.000)
Tại 31/12/2010	300.000.000.000	(42.157.020.704)	2.051.994.155	1.025.997.077	260.920.970.528

Vốn góp của cổ đông

Cổ đông	Số lượng cổ phần tại 31/12/2010		Số lượng cổ phần tại 31/12/2009	
	Cổ phần	%	Cổ phần	%
Công đoàn Dầu khí Việt Nam	200.000	0,67	1.500.000	5,00
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	10.500.000	35,00	10.500.000	35,00
Cán bộ, công nhân viên Tập đoàn	10.500.000	35,00	10.500.000	35,00
Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn cầu	3.300.000	11,00	3.300.000	11,00
Công ty CP Chứng khoán Dầu khí (PSI)	1.495.500	4,98	1.759.500	5,86
Cổ đông khác	4.004.500	13,35	2.440.500	8,14
	30.000.000	100	30.000.000	100

Danh sách cổ đông sáng lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Cổ đông	Số cổ phần sở hữu		Cổ phần hạn chế chuyển nhượng	
	Cổ phần	%	Cổ phần	%
Công đoàn Dầu khí Việt nam	200.000	0,67	200.000	0,67
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	10.500.000	35,00	10.500.000	35,00
Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn cầu	1.500.000	5,00	1.500.000	5,00
	12.200.000	40,67	12.200.000	40,67

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH CÔNG ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAMSố 4A Láng Hạ, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. DOANH THU**

	2010	2009
	VND	VND
Doanh thu hoạt động ủy thác (*)	10.047.322.221	-
Doanh thu kinh doanh bất động sản	6.793.619.092	-
Doanh thu kinh doanh khách sạn	2.540.275.621	-
Doanh thu dịch vụ quản lý số cổ đông	4.545.455	8.443.569.618
Doanh thu dịch vụ tư vấn	97.500.000	-
Phí chuyển nhượng	475.293.937	733.522.727
Khác	1.275.535.208	1.721.329.301
	21.234.091.534	10.898.421.646

(*) Doanh thu phí ủy thác Công ty cổ phần Đầu tư Dragon Land từ việc nhận ủy thác đầu tư 25% vốn vào Công ty cổ phần Điện tử Giảng Võ để thực hiện khi Công trình "Toà nhà hỗn hợp cao tầng" tại 168 Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội (được trình bày tại Thuyết minh số 7).

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2010	2009
	VND	VND
Lãi tiền gửi, ủy thác đầu tư	50.669.032.465	36.348.721.026
Lãi về kinh doanh chứng khoán	36.990.668.619	118.262.484.189
Cổ tức, lợi nhuận được chia	22.964.611.895	19.272.055.872
Thu từ hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán niêm yết	87.687.789.112	42.966.622.981
Doanh thu từ hoạt động ủy thác	7.744.240.883	19.458.325.861
Lãi trả chậm hoạt động ủy thác đầu tư	268.746.318	15.850.196
Khác	326.081	884.662.406
	206.325.415.373	237.208.722.531

21. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2010	2009
	VND	VND
Chi phí lãi vay và phí ủy thác đầu tư	129.336.594.344	113.018.940.730
Chi phí bán chứng khoán	970.966.259	1.001.673.053
Lô về kinh doanh chứng khoán	111.654.484.694	54.647.821.442
Phí ủy thác đầu tư	6.789.656.422	9.337.813.741
Dự phòng giảm giá chứng khoán	31.227.237.472	28.984.043.755
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán	(55.580.899.016)	-
Chi phí hợp tác đầu tư chứng khoán niêm yết	(47.383.687)	990.470.212
	224.350.656.488	207.980.762.933

22. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	2010	2009
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	17.576.287.123	13.990.131.623
Chi phí thuê văn phòng	6.406.537.092	3.212.753.348
Chi phí vật liệu quản lý	364.897.298	239.472.169
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.446.698.950	664.997.496
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.732.267.322	1.055.320.578
Chi phí thuế, phí, lệ phí	1.459.611.143	4.118.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.667.708.603	1.029.147.406
Chi phí bằng tiền khác	5.892.241.045	3.651.472.781
	37.546.248.576	23.847.413.401

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH CÔNG ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAMSố 4A Láng Hạ, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. LÃI/(LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Đơn vị tính</u>	<u>2010</u>	<u>2009</u>
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	VND	(42.511.472.096)	15.555.691.307
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	VND	(42.511.472.096)	15.555.691.307
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành trong kỳ	Cổ phần	30.000.000	30.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND/cổ phần	(1.417,05)	518,52

24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	<u>2010</u>	<u>2009</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu từ phí ủy thác đầu tư từ Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn cầu	944.132.920	41.083.500.000
Lãi vay và phí ủy thác đầu tư trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	43.918.201.717	32.324.675.778
Thu hộ Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam tiền góp cổ phần	1.540.000.000	6.083.800.000
Chuyển trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tiền góp cổ phần	1.540.000.000	6.083.800.000
Thu nhập của Ban Giám đốc	2.449.544.222	401.848.800
Số dư với các bên liên quan:		
	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền gửi bằng VND tại ngân hàng, tổ chức tài chính		
Công ty CP Chứng khoán Dầu khí	1.338.846.284	726.656.087
Đầu tư ngắn hạn		
Ủy thác quản lý vốn tại Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn Cầu	18.233.336.019	19.329.810.000
Đầu tư dài hạn - Chứng khoán chưa niêm yết:		
Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn Cầu	97.694.610.000	97.694.610.000
Cổ phiếu Công ty CP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	-	43.820.862.704
Cty CP Năng lượng Dầu khí Toàn Cầu	5.000.000.000	5.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH CÔNG ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAMSố 4A Láng Hạ, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)****Số dư với các bên liên quan (Tiếp theo):**

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Các khoản phải trả		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - lãi tiền vay	24.413.033.472	16.038.931.080
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - chuyển nhượng cổ phiếu của GP Bank	97.539.000.000	97.539.000.000
Công ty CP Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí - Idico Long Sơn - nhận vốn ủy thác đầu tư	-	36.000.000.000
Tổng Công ty CP Phân bón và Hóa chất Dầu khí - nhận vốn ủy thác đầu tư	250.000.000.000	230.069.167.000
Công ty CP hóa dầu và sơ sợi Dầu khí	80.000.000.000	-
Công ty cổ phần phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam - nhận vốn ủy thác đầu tư	-	15.000.000.000
Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí - nhận vốn ủy thác đầu tư	9.000.000.000	-
Tổng công ty Khí Việt Nam - nhận vốn ủy thác đầu tư	35.000.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí - nhận vốn ủy thác đầu tư	-	20.000.000.000
Công ty cổ phần Gas đô thị - nhận vốn ủy thác đầu tư	22.500.000.000	50.500.000.000
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam - nhận vốn ủy thác đầu tư	5.000.000.000	-
Công ty cổ phần Sao Mai - Bến Đình - nhận vốn ủy thác	35.000.000.000	-
Vay		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	400.000.000.000	400.000.000.000

25. CAM KẾT GÓP VỐN

Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư ngày 13/1/2009 với Công ty Cổ phần Điện tử Giảng Võ, Công ty sẽ góp 75% vốn điều lệ vào liên doanh là Công ty TNHH Đầu tư Giảng Võ tương đương với 127,5 tỷ đồng. Công ty đã thực hiện góp 56 tỷ đồng trong kỳ, phần còn lại sẽ được góp vào Liên doanh trong vòng 5 ngày kể từ ngày Liên doanh được cấp Giấy chứng nhận đầu tư để thực hiện dự án với thời hạn thuê đất là 50 năm.

Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 03 ngày ngày 20/01/2011 với Tập đoàn VK (nhận chuyển nhượng cổ phần góp vốn vào liên doanh là Công ty TNHH Đầu tư Giảng Võ, Công ty sẽ tiếp tục nhận ủy thác đầu tư tương ứng với 70% vốn điều lệ của Công ty TNHH Đầu tư Giảng Võ.

26. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Trong vòng một năm	4.665.904.992	4.422.160.008
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	4.665.904.992	8.844.320.016

Cam kết thuê hoạt động phản ánh chi phí thuê văn phòng phải trả giữa Công ty và Công ty Cổ phần Harec Đầu tư và Thương mại theo hợp đồng thuê văn phòng ký ngày 14/12/2009. Thời hạn thuê là 3 năm tính từ ngày 14/01/2010.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH CÔNG ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số 4A Láng Hạ, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

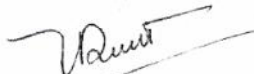
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 đã được kiểm toán. Một số chi tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với việc so sánh số liệu của kỳ này.



Đoàn Thanh Nhân
Người lập



Nguyễn Ngọc Kiều Dung
Kê toán trưởng



Vũ Quang Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 6 tháng 4 năm 2011
